TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 23-5-2022
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Điểu Khuê
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Toản – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2022/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXX - ST ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Châu Thị Thu C; sinh năm 1983
- *Bị đơn*: anh Lê Tiến H; sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/12/2021, trong quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Châu Thị Thu C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 09/01/2013 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyển số 01/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh H thường xuyên uống rượu đánh đập vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, chị và anh H đã sống ly thân một thời gian, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chia

sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị C yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung, họ tên là Lê Thị T sinh ngày 18/9/2003 và Lê Tiến D sinh ngày 25/5/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Đối với cháu T đã thành niên nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Chị C có nghề nghiệp là công nhân cao su, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000đ, thu nhập của chị là ổn định hàng tháng. Về thời gian làm việc cạo mủ cao su cho công ty thì chị chỉ làm việc buổi sáng còn buổi chiều chị được nghỉ, chị có thể làm thêm công việc khác để kiếm thêm thu nhập và có nhiều thời gian chăm sóc các con của chị. Hiện tại chị với anh H có tài sản sản chung là diện tích đất và căn nhà xây trên đất, ngoài ra không có tài sản chung nào khác. Tài sản chung này anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có phương tiện là xe máy đảm bảo đưa đón cháu D đi học. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D.

Vế cấp dưỡng nuôi con:Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Tiến H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước năm 2013. Anh và chị C chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị C không chăm lo gia đình, hay đi chơi, anh có đánh đập chị C, anh không chấp nhận được, sự việc diễn ra nhiều dẫn đến tình cảm gia đình ngày càng rạm nứt. Anh thừa nhận có hay về khuya nhưng anh cũng chăm lo cho các con chung. Tại biên bản lời khai anh đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh và chị C có 02 người con chung, họ tên là Lê Thị T sinh ngày 18/9/2003 và Lê Tiến D sinh ngày 25/5/2013. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Đối với cháu T đã thành niên nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Anh làm nghề xây dựng, công việc cũng không thường xuyên, có việc, có hợp đồng ai thuê thì tôi mới làm, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đ/tháng, thời gian anh làm việc cả ngày, buổi sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 01 giờ chiều đến 05 giờ chiều. Hiện tại anh và chị C chỉ có 01 căn nhà ở chung là tài sản chung vợ chồng. Ngoài ra, hiện nay anh không có nhà ở nào khác, không có tài sản riêng nào khác. Về phương tiện đi lại: Anh và chị C mỗi người đều có xe máy để sử dụng làm phương tiện đi lại. Anh không có vườn rẫy, không có thu nhập nào khác ngoài nghề thợ xây dựng.

Vế cấp dưỡng nuôi con:Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa, anh H không muốn ly hôn với chị C, anh muốn đoàn tụ gia đình cùng chị C để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung của anh chị. Chị C không đồng ý với yêu cầu của anh H, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Tại phiên tòa, các đương sự không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng: Về thủ tục tố tụng: Không có ý kiến gì. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị C được ly hôn với anh H; về con chung: Giao cháu Lê Tiến D cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với cháu Lê Thị T đã thành niên các bên không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng, tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Châu Thị Thu C yêu cầu được ly hôn với anh Lê Tiến H và yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung; anh H có nơi cư trú tại Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; anh H và chị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị Thu C yêu cầu ly hôn với anh Lê Tiến H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị C và anh H đều thừa nhận anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống giữa anh chị có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, xảy ra xô xát, đánh đập, anh chị cũng đã sống ly thân một thời gian. Như vậy, chị C và anh H đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữ chị C và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị C yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị C là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị C có 02 người con chung, họ tên là Lê Thị T sinh ngày 18/9/2003 và Lê Tiến D sinh ngày 25/5/2013. Sau khi ly hôn

chị C và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Đối với cháu T đã thành niên nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng. Xét thấy, chị C và anh H đều có nghề nghiệp có thu nhập, tuy nhiên căn cứ bản tự khai của cháu D thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ là chị Châu Thị Thu C; lời khai của cháu D là tự nguyện. Vì vậy, cần giao các cháu Lê Tiến D sinh ngày 25/5/2013 cho chị Châu Thị Thu C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với cháu T đã thành niên các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

[4]Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị Thu C. Chị Châu Thị Thu C được ly hôn với anh Lê Tiến H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyển số 01/2013, ngày 09/01/2013 của Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Giao cháu Lê Tiến D sinh ngày 25/5/2013 cho chị Châu Thị Thu C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đối với cháu T đã thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Châu Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000255 ngày 18/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà